TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 518/2024/HS-PT
Ngày: 10/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng ĐL

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn VĐ

Ông Nguyễn TD.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị XT, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị L, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 356/2024/TLPT-HS ngày 14/3/2024. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2024/HS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1. Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo: **Lê Thị B**, tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; sinh năm 1965 tại An Giang; nơi thường trú: 25/49/1 N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 10.21, Lô B, chung cư B, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không đi học, hạn chế đọc, viết; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Châu Thị H; có chồng Ngô Tiến B1 (đã ly hôn) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1987, con bé nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 01/12/2022; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị B: Bà Đinh Thị Kim T1, ông Đinh Anh T2 - Luật sư Công ty L4, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt bà T1.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Chị Bùi Thị Thu T3, sinh năm 1993; nơi cư trú: P3948, CT 12A, K, phường Đ, quận H, Hà Nội; nơi ở khác: Căn hộ A tòa P I đường G, phường P, quận T, Hà Nội; vắng mặt.

3. Trong vụ án còn có: Bị cáo Kiều Hoàng L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/9/2021, Cục An ninh kinh tế - Bộ C3 tiếp nhận đơn trình báo tố giác tội phạm của chị Bùi Thị Thu T3, sinh ngày 21/02/1993, (Trú tại: Phòng 3948 CT12A K, Đ, H, Hà Nội) - Trưởng phòng Quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP Q-Chi nhánh H4, nội dung: tố giác Phạm Quang T4, sinh ngày: 26/10/1992, (Trú tại: G F, B K, quận T, TP Hà Nội) đã có hành vi bán 18.980.000 Yên N giả để chiếm đoạt 3.758.040.000 đồng của chị Bùi Thị Thu T3. Tại Cục An ninh kinh tế - Bộ C3, chị T3 tự nguyện giao nộp 1013 tờ Yên Nhật mệnh giá 10.000 Yên/tờ để phục vụ công tác điều tra.

Kết quả điều tra xác định:

Kiều Hoàng L, sinh năm 1977, (Trú tại: số C L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) được người phụ nữ tên Lê Thị N1 (*sử dụng số điện thoại 0824866688*) cho L xem ảnh mẫu tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 Yên Nhật trên điện thoại của N1, L thấy hình ảnh trên tờ tiền khác với hình trên tờ tiền 10.000 Yên N đang lưu hành nên L đã vào trang web: *Yahoo.com.jp* kiểm tra thông tin thì thấy tờ tiền Yên N mà N1 cho xem là tờ tiền Yên Nhật cũ, phát hành năm 1958 hiện không còn lưu hành trên thị trường. N1 nói với L có Lê Thị B, sinh năm 1965, trú tại: phòng B lầu A chung cư B, phường A, quận T, T.P H có loại tiền này và cho L số điện thoại của B để liên hệ.

Sau đó, L hẹn gặp B tại quán C4 gần nơi ở của Bé. Tại đây, L đưa ảnh mẫu tờ tiền 10.000 Yên Nhật trên điện thoại của L cho B xem và hỏi B có tờ tiền này không. Bé lấy tờ tiền 10.000 Yên N có in hình Thái tử Shotoku của Nhật Bản đưa L xem và nói đây là "*trái phiếu cổ*", tờ "*trái phiếu cổ*" này ở bên Nhật Bản vẫn bán được dưới dạng đồ lưu niệm nhưng hiện nay không lưu hành trên thị trường, nếu L bán được sẽ được hưởng chênh lệch. Bé cho L xem vài tờ "Trái *phiếu cổ*" nhưng L khẳng định:"*đây không phải là trái phiếu N mà là loại tiền yên N cũ đã hết giá trị lưu hành*". L mở trình duyệt web và dịch nghĩa cho Bé xem, xác định rõ không phải là Trái phiếu cổ (bút lục số 554-560). L và B thoả thuận: giá mua là 142 đồng/01 Y, đặt cọc 30% tổng giá trị tiền hàng, bán nguyên lốc là 100 tờ, không bán lẻ. Sau đó, theo thỏa thuận, B giao tiền Yên N cho L với tổng số tiền là 19 lốc (*mỗi lốc 100 tờ*) mệnh giá 10.000 Yên Nhật/tờ vào các ngày: 17/6; 02/7; 20/8/2021 tại các địa chỉ: hành lang tầng A chung cư B, phường A; đầu ngõ S L, phường A; sảnh chung cư B, phường A thuộc quận T, TP Hồ Chí Minh. Ngoài lần mua của B 19 lốc tiền Y trên, L còn dự kiến mua thêm của Bé 30 lốc tiền Yên N cùng loại. L đã thanh toán tiền mua Yên N cho Bé theo hai hình thức: tiền mặt (*hiện không nhớ cụ thể từng lần*) và chuyển khoản 15 lần vào tài khoản 020063842126 mang tên Lê Thị B mở tại Ngân hàng S1 với tổng số tiền là 4.255.000.000 đồng, trong đó: tiền chi phí mua 19 lốc tiền là 2.968.000.000 đồng, tiền đặt cọc để mua thêm 30 lốc tiền là 1.557.000.000

đồng. Đến nay, B chưa chuyển cho L 30 lốc tiền này.

Khoảng giữa tháng 6/2021, thông qua anh Nguyễn Anh T5, sinh năm 1974, (Trú tại: Ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre) (*sử dụng số điện thoại 0386794038*) giới thiệu Kiều Hoàng L với ông Lê Ngọc T6, sinh năm 1963, (Trú tại: phòng 1503 A L15 tháp A chung cư H, số A Hồ N, phường A, quận E, TP Hồ Chí Minh) là Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh E, TP Hồ Chí Minh. Ông T6 đã giới thiệu L với người tên T7 (*đang sinh sống bên Nhật Bản,chưa rõ thông tin cụ thể*) để bán cho T7 nhưng sau khi xem mẫu hình ảnh tờ tiền qua ứng dụng videocall thì ông T7 không đồng ý mua vì thấy "phiêu" (*ý là tờ tiền đó không giống với tiền thật*).

Sau đó, L đến Ngân hàng T11 (*hiện không nhớ địa chỉ cụ thể*) để đổi thử 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 Yên Nhật, tuy nhiên một nữ nhân viên ngân hàng nói với L: "Tiền này không lưu hành nên ngân hàng không đổi", vì vậy L mang tiền về nhà cất giữ.

Khoảng tháng 6/2021, trong một cuộc nói chuyện với Phan Anh T8, sinh năm 1977, (Trú tại: H T, phường T, quận T, TP Hồ Chí Minh) tại văn phòng Công ty CP M1; địa chỉ: G L, phường T, quận T, TP Hồ Chí Minh về việc kinh doanh gỗ sang N, L kể với T8 về một người Nhật là bạn của L có 19.000.000 Yên N loại cũ muốn đổi ra tiền Việt Nam nhưng do đây là tiền cổ nên các Ngân hàng không đổi phải có mối quan hệ với các ngân hàng Nhà nước thì mới đổi được và L cũng mang đi đổi nhưng các Ngân hàng chỉ đổi cho từ 1 - 2 tờ. L nhờ T8 tìm người đổi tiền giúp. T8 đồng ý và bảo L mang mẫu tiền đến cho T8 để có khách đổi sẽ gọi cho L.

Sau đó, L đưa cho T8 02 tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 Yên Nhật. Quá trình nhờ T8 tìm người đổi tiền, L che giấu, không nói rõ nguồn gốc số tiền Yên N cho T8 và nghĩ nếu T8 đổi được, L sẽ thu lại được số tiền đã đặt cọc trước cho Lê Thị B, cụ thể: L nói dối T8 nguồn gốc số tiền Yên N nhờ T8 đổi là của người Nhật (thực tế là của B) và cho T8 xem nội dung tin nhắn giữa L và người nhật bằng tiếng Nhật, tin nhắn là do L tự tạo dựng nội dung trên điện thoại (*vì L biết tiếng Nhật*). Vì vậy, T8 tin tưởng giúp L tìm người đổi tiền.

Khoảng cuối tháng 6/2021, Phan Công B2, sinh năm 1999, (Trú tại: C, chung cư S, khu đô thị M, TP V, tỉnh Phú Thọ) (*là em họ của Phan Anh T8*) cùng Phạm Quang T4, sinh năm 1992, (Trú tại: P G chung cư F, phường K, quận T, TP Hà Nội) đến Văn phòng Công ty CP M1 do Phan Anh T8 làm Giám đốc, địa chỉ: TT6 ngõ A Đ, N, Hà Nội để trao đổi hợp tác kinh doanh gỗ. Tại đây, T8 hỏi T4 có quen biết ai ở ngân hàng không để nhờ đổi tiền Y, đồng thời T8 cũng cho T4 xem tờ tiền mệnh giá 10.000 Yên Nhật mà L đưa. T4 đồng ý giúp T8 và chụp lại tờ tiền. Chiều cùng ngày, T4 gửi ảnh tờ tiền Yên Nhật qua điện thoại cho Lý Quang M, sinh năm 1994, (Trú tại: F L, T, B, TP Hà Nội), (*M là bạn học của T4*) nhờ M hỏi xem có đổi được không và giá cả như thế nào. M tiếp tục dùng điện thoại gửi ảnh tờ tiền Yên Nhật trên cho Nguyễn Thị T9 (*em*

vợ M). T9 chuyển hình ảnh tờ tiền trên cho Bùi Thị Thu T3, sinh năm 1993, trú tại: P CT12A K, Đ, H, Hà Nội là nhân viên Quan hệ khách hàng Ngân hàng V- Chi nhánh H4 (*nay là Trưởng phòng Quan hệ khách hàng*). Bùi Thị Thu T3 vào hệ thống ngân hàng V xem tỷ giá là 202 đồng/Yên Nhật. Nguyễn Thị T9 thỏa thuận sau khi mua và bán được 19.000.000 Yên N sẽ chia lợi nhuận tỷ lệ 50/50 và đưa ra tỷ giá đổi tiền là 198 đồng/Yên Nhật. Sau đó, Bùi Thị Thu T3 trao đổi với M tỷ giá Y nhật là 198 đồng/ Yên nhật và Nguyễn Thị T9 trao đổi với M về tỷ giá đổi tiền để M trao đổi lại với T4. T4 đồng ý. Đến chiều cùng ngày, T4 gọi điện cho T8 thông báo đã tìm được ngân hàng đổi được tiền Yên N trên và tỷ giá đổi tiền là 187 đồng/Yên Nhật. T8 gọi điện cho L để hỏi tỷ giá đổi, L trao đổi tỷ giá đổi tiền là 160 đồng/Yên Nhật. T8 gọi điện thông báo cho L mang tiền ra Hà Nội giao cho T4. Tối ngày 02/7/2021, L từ TP Hồ Chí Minh ra Hà Nội gặp T8 tại khách sạn tại Sân bay N và giao cho T8 19.000.000 Yên N. Khi nhận tiền từ L, T8 không kiểm đếm số tiền thực tế, không viết giấy nhận tiền mà cầm cả gói mang về văn phòng để đưa cho T4.Trước đó, khi phía ông Lê Ngọc T6 không đồng ý mua 10 lốc Yên Nhật giả, mệnh giá 10.000, L đã mang 10 lốc Yên Nhật về cất ở nhà, L lấy 02 tờ mệnh giá 10.000 Yên Nhật từ 01 lốc 100 tờ trong số 10 lốc ra mang đến Ngân hàng T11 ở khu vực giao Quận C, quận P, TP Hồ Chí Minh để bán thử. Nhân viên Ngân hàng là nữ giới cầm 02 tờ mệnh giá 10.000 Yên kiểm tra và nói tiền không có giá trị lưu hành. L cầm lại 02 tờ mệnh giá 10.000 Yên về cất ở nhà, hiện không xác định để tại đâu.

Sáng ngày 03/7/2021, T4 cùng B2 đến văn phòng T8 tại Hà Nội để nhận tiền Y. T4 trực tiếp nhận tiền, tuy nhiên T4 chỉ kiểm theo lốc, cụ thể: T4 đếm được 19 lốc tiền Yên loại mệnh giá 10.000 Yên/01tờ, không kiểm đếm từng tờ. Sau đó, T4 viết giấy biên nhận tiền với T8, thời điểm Tâm và T4 giao nhận tiền, B2 không vào cùng T4 mà ngồi ở quán cà phê gần đó. Sau đó, T4 và B2 đi ô tô đón Lý Quang M cùng đi đến đường T, quận C, TP Hà Nội gặp và giao 19 lốc tiền Yên N cho Bùi Thị Thu T3 và Nguyễn Thị T9. Khi gặp nhau, Bùi Thị Thu T3 và Nguyễn Thị T9 vào ngồi trong ô tô của T4 cùng T4 kiểm tra tiền và nhận, còn B2 và M đứng bên ngoài. Sau khi kiểm đếm, Bùi Thị Thu T3 và Nguyễn Thị T9 thấy thực tế chỉ có 1.898 tờ tiền mệnh giá 10.000 Yên Nhật (18.980.000 Yên Nhật). Như vậy, theo thỏa thuận, Bùi Thị Thu T3 phải thanh toán cho Lý Quang M số tiền: 18.980.000 yên Nhật x 198 đồng/Yên Nhật = 3.758.040.000 đồng. Bùi Thị Thu T3 đã gọi điện nhờ chị Đồng Linh C, sinh năm 1998, trú tại: P tòa S, xã Đ, huyện G, TP Hà Nội là nhân viên Quan hệ khách hàng ngân hàngVIB - chi nhánh H4 để nhờ làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản số 378708888 mang tên Lý Quang M mở tại Ngân hàng V, số tiền 3.758.040.000 đồng. Sau đó, Lý Quang M đã chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản số 19031097544666 mang tên Phạm Quang T4 mở tại ngân hàng T11. Khi nhận được tiền, T4 thông báo cho T8 về số tiền bị thiếu 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 yên N và chuyển khoản thanh toán theo thỏa thuận với T8 là: 18.980.000 yên Nhật x 187 đồng/1 yên N = 3.549.260.000 đồng đến tài khoản 10624236272011

mang tên Phan Anh T8 mở tại ngân hàng T11. Ngày 07/7/2021, T8 thông báo cho L số tiền đổi bị thiếu 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 yên N, theo thỏa thuận số tiền T8 phải thanh toán cho L là: 160/1 yên N x 18.980.000 = 3.036.800.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế T8 mới chuyển cho L số tiền 03 tỷ đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 060167103637 mang tên Kiều Hoàng L mở tại ngân hàng S1, số tiền còn lại L và T8 thỏa thuận sẽ tính toán sau.

Sau khi nhận được tiền Yên N, Bùi Thị Thu T3 mang số tiền này đến cửa hàng thu đổi ngoại tệ ở phố H, Hà Nội thì được biết đây là tiền Yên Nhật cũ (phát hành năm 1958) nên không đổi được sang Việt Nam đồng. T3 đã liên hệ với T4 để trả lại tiền. T4 gọi điện cho T8 nhưng T8 không đồng ý vì giao dịch đã hoàn thành.

Đầu tháng 8/2021, thông qua giới thiệu của Bùi Trí B3, (Trú tại: thôn Q, xã Y,H. D, tỉnh Hà Nam) (*cháu họ của Bùi Thị Thu T3*), T3 đã liên hệ với Trần Nam P, sinh năm 1994, (Nơi thường trú: thôn D, xã C, TP L, tỉnh Lào Cai) qua số zalo: 0583288668 (*đang sinh sống tại Nhật Bản*) nhờ P chuyển số tiền Y sang Nhật Bản để thu đổi với phí vận chuyển là 200.000.000 đồng và phí đổi tiền là 7,5% số tiền đổi được, tuy nhiên không thỏa thuận tỷ giá đổi cụ thể.Theo hướng dẫn của Trần Nam P, từ ngày 11/8/2021 đến ngày 27/8/2021, chị Bùi Thị Thu T3 đã chuyển tiền Yên N cho anh P 03 lần cụ thể: Chuyển thông qua Nguyễn Bá C1, sinh năm 1995, (Trú tại: ngõ C D, Cầu G, Hà Nội) 02 lần với số tiền 1.050 tờ Yên Nhật mệnh giá 10.000 yên N. Chuyển thông qua Nguyễn Thị Hoàng L1, sinh năm 1993, (Trú tại: P chung cư H, khu nhà ở I N, phường T, quận T, TP Hà Nội) 01 lần với số tiền 200 tờ Yên Nhật mệnh giá 10.000 yên N, sau đó L1 chuyển cho C1. Quá trình chuyển tiền, Bùi Thị Thu T3 đã viết giấy biên nhận với Nguyễn Bá C1, Nguyễn Thị Hoàng L1.

Sau khi nhận 1250 tờ tiền Yên Nhật từ T3 và L1, theo yêu cầu của P, C1 mới chuyển tiền từ Việt Nam sang Nhật Bản cho P 03 lần với tổng số 880 tờ tiền Yên Nhật, còn lại 370 tờ tiền yên N, C1 giữ lại chờ khi nào P yêu cầu thì chuyển tiếp.Theo thỏa thuận, Trần Nam P đã thanh toán cho Bùi Thị Thu T3 số tiền 206.740.000 đồng chia thành 02 lần chuyển khoản vào tài khoản số 999696666 mở tại Ngân hàng V mang tên Bùi Thị Thu T3 và tài khoản số 109000710384 mở tại Ngân hàng V1 mang tên Lê Thị Thùy D (*bạn của chị T3*).

Đầu tháng 9/2021, do không liên hệ được với Trần Nam P nên chị Bùi Thị Thu T3 đã liên hệ với Nguyễn Bá C1 và được biết P đã bị Cảnh sát Nhật Bản tạm giữ vì nghi ngờ sử dụng tiền Yên Nhật giả. Đồng thời, chị Bùi Thị Thu T3 xem mạng Internet thấy báo N2 đưa tin số tiền Y mệnh giá 10.000 Yên do P sử dụng tại Nhật Bản là tiền giả. Chị T3 đã gặp C1 lấy lại 370 tờ Y mà C1 đang giữ chưa kịp chuyển sang Nhật Bản cho Trần Nam P. Quá trình cất giữ tiền, Bùi Thị Thu T3 làm thất lạc 05 tờ tiền, còn giữ lại 1013 tờ tiền.

Ngoài ra, Nguyễn Bá C1 khai: Qua một số mối quan hệ xã hội, C1 quen biết với Trần Nam P. P nhờ C1 nhận tiền Yên N từ chị Bùi Thị Thu T3, Nguyễn

Thị Hoàng L1 với tổng số 1250 tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 yên. Sau đó, C1 thực hiện theo hướng dẫn của P: chuyển 03 lần với 880 tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 yên từ Việt Nam sang Nhật Bản cho P; cách thức: cho số tiền Yên N trên vào phong bì, mỗi phong bì 20 tờ tiền Yên Nhật rồi nhét vào các thùng nước ngọt, mỳ tôm mỗi thùng 1 phong bì, mang ra đầu ngõ C D để P cho người liên hệ lấy thùng hàng chuyển sang Nhật Bản. C1 không biết quá trình P chuyển - nhận tiền yên N từ Việt Nam sang Nhật Bản cụ thể như thế nào. Hiện, C1 không còn lưu giữ thông tin người nhận hàng và các thông tin, tài liệu liên quan đến việc chuyển nhận tiền yên N trên. Việc C1 chuyển, nhận tiền yên N nêu trên vì C1 muốn giúp đỡ bạn bè, không được hưởng lợi gì từ việc này.

Ngày 13/9/2021, chị Bùi Thị Thu T3 đã có Đơn trình báo tố giác tội phạm và giao nộp số tiền 1013 tờ mệnh giá 10.000 Yên Nhật cho Cục A1 - Bộ C3. Sau khi làm việc với cơ quan công an, biết số tiền Y nêu trên là giả, một số cá nhân liên quan đã liên hệ với chị Bùi Thị Thu T3 và tự nguyện trả lại cho chị T3 toàn bộ số tiền hưởng lợi của mình với tổng số tiền là 793.780.000 đồng, cụ thể: Phạm Quang T4: 163.780.000 đồng; Phan Anh T8: 530.000.000 đồng; Nguyễn Thị T9: 100.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Lê Thị B, Kiều Hoàng L và một số cá nhân liên quan gồm: Phan Anh T8, Phạm Quang T4, Phan Công B2, Lý Quang M, Bùi Thị Thu T3, Nguyễn Thị T9, Bùi Trí B3, Nguyễn Bá C1, Nguyễn Thị Hoàng L1, Lê Ngọc T6 khai nhận hành vi như nêu trên.

** Kết quả xác minh về Tổng Công ty H5 về số thuê bao:0824.866.688 mà Lê Thị N1 sử dụng*: Thông tin chủ thuê bao là Lê Thị N1, sinh năm 1986, (Nơi thường trú: tổ E, H, D, Hải Phòng; Nơi cư trú: 5 T, phường A, quận G, TP Hồ Chí Minh).

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị N1 khai: Khoảng năm 2018, Kiều Hoàng L có qua quán C5 tại địa chỉ G Đ, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh nên đã quen biết N1. N1 không có mẫu tờ tiền Yên Nhật trên điện thoại và cũng không cho Kiều Hoàng L xem mẫu tờ tiền Yên Nhật trên điện thoại của N1. N1 không biết, không quan hệ với Lê Thị B. N1 không biết gì về việc mua bán tiền Yên Nhật giữa Kiều Hoàng L và Lê Thị B. Cơ quan điều tra tổ chức cho Lê Thị N1 nhận dạng Kiều Hoàng L, kết quả: Lê Thị N1 nhận dạng được Kiều Hoàng L.

Cơ quan điều tra đã tổ chức cho Kiều Hoàng L nhận dạng Lê Thị N1, L không nhận dạng được N1.

** Về nguồn gốc số tiền giả:* Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị B khai: Khoảng năm 2005, khi đang sinh sống tại Campuchia, Lê Thị B quen biết với vợ chồng Sa Sầm L2 (hiện không nhớ thông tin cụ thể) và được vợ chồng Sa Sầm La nhờ nhận cầm cố 50 lốc trái phiếu cổ với giá 06 tỷ đồng. Bé không biết giá trị thật của trái phiếu cổ, tuy nhiên do tin tưởng và muốn giúp đỡ bạn bè nên Bé đã đồng ý nhận cầm cố số trái phiếu này. Bé đã chuyển cho vợ chồng Sa Sầm L số tiền 06 tỷ đồng tiền mặt. Sau đó, do không liên hệ được và không thấy vợ chồng

Sa Sầm L2 quay lại lấy số tiền trái phiếu cổ nên Bé mang số trái phiếu này ra các cửa hàng thu đổi ngoại tệ để đổi; các cửa hàng đều không đổi với lý do trái phiếu cổ này không có giá trị và không còn được lưu hành. Sau đó, Bé gửi số trái phiếu cổ trên cho một người đàn ông tên Ú ở gần cầu C, Campuchia (*không rõ thông tin nhân thân của người này, hiện ông Ú đã chết tại Campuchia vào khoảng tháng 5/2022*). Đến khoảng tháng 5, 6/2021, B sang Campuchia khoảng 03 lần để gặp ông Ú lấy lại 49 lốc trái phiếu cổ đã gửi trước đây và mang về Việt Nam tiêu thụ.

* Về việc sử dụng số tiền thu được từ việc giao dịch mua bán tiền Y của Lê Thị B:

Lê Thị B khai: Trước đây, Bé buôn bán gỗ trắc từ Campuchia về Việt Nam, sau đó có phát sinh nợ với người đàn ông tên H1 ở T, Bắc Ninh (không nhớ thông tin cụ thể), số tiền 3.296.160.000 đồng. Quá trình vay nợ không viết giấy biên nhận tiền. Vì vậy, sau khi bán tiền Yên N cho L, B sử dụng số tiền thu được vào việc trả nợ cho ông H1. Theo hướng dẫn của ông H1, B chuyển số tiền trên từ tài khoản số 020063842126 mang tên Lê Thị B mở tại ngân hàng S1 vào tài khoản số 030055986688 mang tên Lê Thúy H2 mở tại ngân hàng S1. Bé không biết và không có quan hệ gì với Lê Thúy H2. Bé liên hệ với người tên H1 theo số điện thoại: 0904459888.

Kết quả tại Tổng công ty V2 về số thuê bao 0904459888 của người tên H1 mà B chuyển tiền:Thông tin chủ thuê bao là Huỳnh Tuấn H3, sinh năm 1967, trú tại: 1 T, phường E, quận P, TP Hồ Chí Minh.

Kết quả xác minh thông tin về Huỳnh Tuấn H3: Hải đăng ký HKTT tại 1 T, phường E, quận P, TP Hồ Chí Minh, tuy nhiên H3 đã đi khỏi địa phương từ lâu, hiện chính quyền địa phương không biết H3 đang làm gì, ở đâu.

Kết quả xác minh về số tài khoản 030055986688tại Ngân hàng TMCP S2 (S1): Chủ tài khoản là Lê Thúy H2, CCCD số 020173000488, địa chỉ tại: E V, phường H, TP L, số điện thoại: 0982792888. Kết quả xác minh về số thuê bao 0982792888 tại Tập đoàn C6:Chủ thuê bao là Lê Thúy H2, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn H, xã H, TP L, tỉnh Lạng Sơn (bút lục số 242-255).

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thúy H2 khai phù hợp với Lê Thị B. Ngoài ra, H2 khai: Khoảng tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, Nguyễn Thị L3, sinh năm: 1976, trú tại: Thôn T, xã M, TP L, tỉnh Lạng Sơn (là cháu họ của H2) nhờ nhận tiền của Huỳnh Tuấn H3. H2 sử dụng tài khoản số 030055986688 mang tên Lê Thúy H2 mở tại ngân hàng S1 để nhận tiền. H2 không biết, không quan hệ gì với Huỳnh Tuấn H3, Lê Thị B. Sau đó, L3 tiếp tục nhờ H2 đổi số tiền này sang tiền nhân dân tệ và chuyển cho một số người Trung Quốc theo số tài khoản L3 cung cấp (hiện H2 không nhớ thông tin các số tài khoản này). H2 được L3 cho hưởng lợi khoảng 01 triệu đồng từ việc đổi tiền nêu trên.

Nguyễn Thị L3 khai phù hợp với lời khai của Lê Thúy H2. Ngoài ra, L3 khai: Khi bán vé số tại vỉa hè ngã tư M, phường V, TP L, tỉnh Lạng Sơn, L3

quen biết với người đàn ông tên Huỳnh Tuấn H3 là người mua vé số. Sau đó, H3 nhờ L3 nhận giúp tiền qua tài khoản, L3 đồng ý và nhờ Lê Thúy H2 nhận tiền như đã nêu trên.

Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng và lời khai số đối tượng liên quan, xác định: người đổi tiền ngoại tệ cho Lê Thúy H2 là Đỗ Thị B4,sinh năm 1973,CCCD số 020173007448, địa chỉ: B B, P, phường H, TP L, tỉnh Lạng Sơn, số tài khoản 030001299898; Vũ Thị S, sinh năm 1959, (Trú tại: A P, phường Đ, TP L, tỉnh Lạng Sơn).

** Kết quả trưng cầu giám định; việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:*

** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:* Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 1013 (*Một nghìn không trăm mười ba*) tờ tiền mệnh giá 10.000 yên N do Bùi Thị Thu T3 giao nộp ngày 13/9/2021;

- 01 (*Một*) điện thoại kiểu dáng Samsung, màu xanh, IMEI 1: 355728261142407, IMEI 2: 356203781142401; 01 (một) điện thoại di động hiệu Google Pixel 2XL, màu đen, trắng, số IMEI 358034089988361; 01 (một) điện thoại di động hiệu S3 Galaxy S8 Active, màu đen, số IMEI 357712084424943 đã qua sử dụng của Kiều Hoàng L thu giữ ngày 01/12/2022 và ngày 18/3/2022;

- 01 (*Một*) điện thoại kiểu dáng Iphone, màu vàng trắng, IMEI 358359069126736 đã qua sử dụng của Lê Thị B thu giữ ngày 01/12/2022;

- 06 (Sáu) tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ và 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 10.000 yên N thu giữ khi khám xét chỗ ở của Kiều Hoàng L tại địa chỉ: 3 L, phường A, quận T, TP Hồ Chí Minh. Hiện Cơ quan điều tra đã gửi vào tài khoản số 0021370000027 của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng V3 chi nhánh H6 (*ngân hàng V3 đã tiến hành kiểm tra và xác nhận số tiền gửi là tiền thật*).

Cơ quan điều tra phối hợp với Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao tiến hành kiểm tra 04 điện thoại nêu trên, kết quả: Cơ quan điều tra đã thu giữ các file ghi âm có nội dung liên quan đến vụ án trong điện thoại của Kiều Hoàng L.

** Việc xác minh, kiểm tra đối với các đồ vật, tài liệu thu giữ:*

- Đối với 1013 tờ tiền mệnh giá 10.000 yên N do Bùi Thị Thu T3 giao nộp ngày 13/9/2021:

Bị can Kiều Hoàng L, bị can Lê Thị B xác nhận đây là số tiền Yên Nhật họ đã giao dịch mua bán.

Tại Bản Kết luận giám định số 5034 ngày 4/8/2022 củaViện Khoa học hình sự - Bộ C3 kết luận: *1013 tờ tiền Nhật Bản cần giám định là các tờ tiền giả, được tạo bằng phương pháp in offset và in laser trên giấy. V4 - Bộ C3 giữ lại 30 (Ba mươi) tờ tiền để làm mẫu phục vụ công tác nghiên cứu, phòng, chống*

giả.(bút lục số 1228-1234)

- Đối với các file ghi âm trong điện thoại của Kiều Hoàng L: Tại Cơ quan điều tra, Kiều Hoàng L và Phan Anh T8 xác nhận giọng nói trong các file ghi âm trên là của T8, L nội dung: Kiều Hoàng L kể lại quá trình L làm việc tại Cơ quan Công an và việc hợp tác kinh doanh giữa T8 và L. Tuy nhiên các đối tượng không nhớ nội dung trao đổi cụ thể.

Tại Bản Kết luận giám định số 1721 ngày 19/5/2023, V4 - Bộ C3 kết luận (bút lục số 698-704): Xác định giọng nói trong file ghi âm là của Kiều Hoàng L, nhưng không đủ cơ sở kết luận giọng nói của Phan Anh T8. Một số file ghi âm có dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Nội dung các đoạn hội thoại đã được chuyển thành văn bản. Do các nội dung nói chuyện không đầy đủ, có đoạn bị cắt ghép nên Cơ quan điều tra không phát hiện nội dung có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

* *Kết quả xác minh tại các cơ quan liên quan:*

- Kết quả xác minh tại Ngân hàng N3 về các tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 Yên:

Ngày 22/9/2021, Cục P1 quỹ có công văn số 621/PHKQ3 nội dung: "Mẫu vật có thiết kế, hình ảnh tương tự mẫu tiền mệnh giá 10.000 Yên do Ngân hàng T12 phát hành năm 1958 và đã đình chỉ lưu hành năm 1986". Mẫu vật được in ra bằng phương pháp offser nước (offset thương mại), không có nét in nổi được in bằng phương pháp in lõm (Intaglio) như tiền thật; hình bóng chìm dập nổi để làm giả độ dày mỏng của lớp giấy, không được sản xuất theo công nghệ chuyên dùng của giấy in tiền; và làm giả độ nổi của nét in bằng cách dập nổi ở một số vị trí mặt sau…Do đó, có thể kết luận "mẫu vật 10.000 Yên, seri PS111116N không phải là tiền do Ngân hàng T12 phát hành".(bút lục số 75).

Ngày 21/4/2022, Cục Phát hành và Kho quỹ có công văn số 2515/NHNN-PHKQ nội dung: "Theo thông tin công khai trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng T12, đồng thời sau khi liên hệ và trao đổi (qua mail) với Đại sứ quán N4 tại Việt Nam: Tờ tiền mệnh giá 10.000 Yên Nhật được phát hành từ năm 1958 vẫn có giá trị lưu hành đến ngày nay. Mặc dù hiện nay, Ngân hàng T12 đã dừng phát hành tờ tiền này nhưng vẫn là tờ tiền hợp pháp, được phép lưu hành và sử dụng". (bút lục số 326).

Ngày 22/9/2022, Ngân hàng N3 có công văn số 6661/NHNN-QLNH nội dung: Tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng giữa JPY và VND từ ngày 01/7/2021-07/7/2021 là 209,83(bút lục số 1578).

- *Kết quả xác minh tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C3:* Cảnh sát Nhật Bản hiện đang điều tra vụ án "Lưu hành tiền giả" có liên quan đến đối tượng người Việt Nam tên Trần Nam P, sinh năm 1994, nội dung: Từ tháng 8/2021, tại một số cửa hàng tiện lợi ở T xảy ra nhiều vụ sử dụng tiền Yên Nhật giả mệnh giá 10.000 Yên để thanh toán tiền mua hàng. Qua điều tra, Cảnh sát N đã bắt giữ 03 đối tượng người Việt Nam gồm: Trần Nam P, Trần Thị T10

và Tạ Mạnh C2. Quá trình điều tra của Cảnh sát Nhật Bản xác định: Ngày 31/8/2021, các đối tượng làm thủ tục chuyển 10 bưu kiện chuyển phát nhanh có chứa 400 tờ 10.000 Yên Nhật giả từ một bưu điện ở Việt Nam sang Nhật Bản (nơi nhận là 06 căn hộ khác nhau ở Nhật Bản). Sau đó, ngày 04/9/2021, các bưu kiện này được đưa lên máy bay của hang VietNam Airlines số hiệu VN310 xuất phát từ sân bay Nội Bài đến Nhật Bản. Cảnh sát Nhật Bản xác định các đối tượng liên quan gồm: Trần Nam Phong, sinh năm 1994, số hộ chiếu: C3263383 cùng 10 đối tượng liên quan quốc tịch Việt Nam hiện đang sinh sống ở Nhật Bản và Việt Nam. Trần Nam Phong khai không biết gì về việc đang sử dụng tiền giả. Phong và Trần Thị Trang về Việt Nam vào đầu năm 2020 và mua khoảng 200 tờ tiền mệnh giá 10.000 Yên Nhật cũ từ một người có tên Bùi Trang với giá 500.000 Yên Nhật để mang sang Nhật tiêu sài, Phong mua số tiền này vì tin là tiền thật. Số đối tượng còn lại khai Phong nhờ nhận các kiện hàng từ Việt Nam, sau đó Phong sẽ đến lấy tổng số 400 tờ tiền giả mệnh giá 10.000 Yên Nhật. Cảnh sát Nhật Bản thu thập được một số tờ khai gửi hàng và phát hiện Trần Nam Phong thường xuyên liên hệ qua ứng dụng Facebook Messenger với 01 tài khoản Facebook có tên Bui Trang (mã ID 100003173956699) để trao đổi thông tin về việc chuyển nhận tiền. Trần Nam Phong cũng từng chuyển tiền vào tài khoản của Bui Trang tại Ngân hàng Teckcombank tại Việt Nam.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiếp tục có công văn gửi Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an về việc mẫu tiền Yên Nhật giả đã thu giữ có đặc điểm giống tiền Yên Nhật được Ngân hàng Nhật Bản phát hành không đến nay chưa nhận được kết quả trả lời.

- Kết quả xác minh về các số tài khoản Ngân hàng liên quan phù hợp với kết quả điều tra:

** Kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín:* Thông tin chủ tài khoản số 060167103637 của Kiều Hoàng Long, CCCD số 079077029351, địa chỉ: 337/20/7 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh (bút lục số 132-139). Thông tin chủ tài khoản số 020063842126 của Lê Thị Bé, sinh năm 1965, địa chỉ: 25/49/01 Nguyễn Minh Châu, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. (bút lục số 140-155). Căn cứ sao kê tài khoản xác định: Kiều Hoàng Long, Lê Thị Bé có giao dịch chuyển khoản cho nhau phù hợp với lời khai của các bị can nêu trên.

** Kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:* Thông tin chủ tài khoản số 109000710384 (*tài khoản nhận tiền chuyển khoản của Trần Nam Phong*) là Lê Thị Thùy Dương, CCCD số 012184000031 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/5/2016. Sao kê tài khoản thể hiện phù hợp với lời khai các các đối tượng về giao dịch chuyển khoản mua bán tiền Yên Nhật (bút lục số 157-240).

** Kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam:* Thông tin chủ tài khoản số 378708888 của Lý Quang Minh, CMND số 013037870 và chủ tài khoản số 999696666 và số 065704060050361 của Bùi Thị Thu Trang, CMND

số 168501590 phù hợp với lời khai về việc chuyển khoản thanh toán chi phí đổi tiền Yên Nhật của Trang và Minh như trên.

** Kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam:*

- Thông tin chủ tài khoản số 19033475825019 (*tài khoản Phan Công Bình sử dụng nhận tiền hưởng lợi từ Phạm Quang Tuân chuyển khoản*): Chủ tài khoản là Trần Thị Ngọc Ánh, CMND số 132423366 cấp ngày 27/02/2018 do Công an tỉnh Phú Thọ.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Ngọc Ánh và Phan Công Bình đều khai: Ánh và Bình có quan hệ bạn bè với nhau. Ánh là người đăng ký số tài khoản này, sau đó Ánh cho Bình mượn tài khoản để sử dụng. Quá trình Bình sử dụng số tài khoản trên như thế nào Ánh không biết. Ánh không biết gì về việc đổi tiền Yên Nhật.

- Thông tin chủ tài khoản số 10624236272011 là Phan Anh Tâm, CMND số 024506056 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 13/5/2014

- Thông tin chủ tài khoản số 19031097544666 là Phạm Quang Tuân, CMND số 031771193 do Công an TP Hải Phòng cấp ngày 24/9/2012.

Sao kê tài khoản ngân hàng của Phan Anh Tâm, Phạm Quang Tuân thể hiện phù hợp với lời khai của các đối tượng về việc chuyển khoản chi phí đổi tiền Yên Nhật của Phạm Quang Tuân, Phan Anh Tâm.

- Kết quả xác minh tại các Công ty viễn thông:

** Kết quả xác minh tại Tổng Công ty hạ tầng mạng và Tổng công ty Viễn thông Mobifone về các số điện thoại 0917360278, 0932183568 do Kiều Hoàng Long sử dụng:*Thông tin chủ thuê bao là Công ty TNHH MTV TV ĐT & PT Nhân lực Nhân Chính và Chi nhánh công ty CP xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biển Đông do Kiều Hoàng Long làm Giám đốc. Kiều Hoàng Long khai: Đây là 02 số điện thoại của Công ty do Long là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng, Long không cho ai khác sử dụng các số điện thoại trên.

** Kết quả tại Tổng công ty Viễn thông Mobifone xác minh về số thuê bao: 0902717442 do Lê Thị Bé sử dụng:* Chủ thuê bao là Lê Thị Bé, sinh năm 1965, trú tại: phòng 21 lầu 10 chung cư Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

** Kết quả xác minh tại Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quânvề số điện thoại 0386794038 mà Nguyễn Anh Tuấn (người giới thiệu ngân hàng đổi tiền cho Kiều Hoàng Long) sử dụng:*Thông tin chủ thuê bao là Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh năm 2002, địa chỉ: 226 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Kết quả ghi lời khai đối với Nguyễn Thị Ngọc Anh: Ngọc Anh không biết, không quan hệ gì với Kiều Hoàng Long, Nguyễn Anh Tuấn và Lê Ngọc Tám. Ngọc Anh không đăng ký, không sử dụng số điện thoại trên.

Cơ quan điều tra đã xác minh triệu tập ghi lời khai đối với Nguyễn Anh Tuấn, kết quả: Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm: 1974, đăng ký HKTT tại Ấp Quân An, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Tuấn đã đi khỏi địa phương từ lâu, chính quyền địa phương không biết Tuấn hiện đang làm gì, ở đâu.

- Kết quả xác minh tại các Cửa khẩu liên quan:

** Kết quả xác minh tại Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn:* Từ năm 2018 đến nay, Đồn biên phòng chưa xử lý vi phạm hành chính, hình sự đối với Lê Thúy Hà, Nguyễn Thị Lan có lý lịch nêu trên, chưa phát hiện Hà, Lan tham gia hoạt động mua bán, vận chuyển tiền tệ hay hàng cấm qua biên giới, Hà và Lan thường xuyên đi sang Trung Quốc qua cửa khẩu Hữu Nghị.

** Kết quả xác minh tại Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh (cửa khẩu mà Bé đi lại giữa Việt Nam và Campuchia):* Lê Thị Bé, sinh năm 1965, trú tại: P21 tầng 10 chung cư Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh có thông tin xuất nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh. Đồn biên phòng không nắm được Lê Thị Bé có tham gia buôn bán hàng hóa từ Campuchia về Việt Nam và có tham gia hoạt động buôn bán vận chuyển tiền tệ qua cửa khẩu không. Lê Thị Bé chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý hình sự tại Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài.

Căn cứ kết quả điều tra xác định: Trong quá trình bán, đổi Yên Nhật ra tiền Việt Nam, Kiều Hoàng Long biết rõ số Yên Nhật trên là giả vì: Kiều Hoàng Long là giáo viên dạy Tiếng Nhật, biết rõ chữ tiếng Nhật trên các tờ tiền. Quá trình giao dịch với Lê Thị Bé, Long khai không rõ Lê Thị Bé lấy tiền Yên Nhật giả từ đâu. Long cũng băn khoăn, thắc mắc về số tiền Yên Nhật này như: Hỏi Lê Thị Bé *"Sao không mang ra tiệm vàng và Ngân hàng đổi"*, thì Bé đã trả lời *"Tiền này tiệm vàng và Ngân hàng không đổi*". Long có 02 lần mang Yên Nhật ra Ngân hàng để đổi lấy tiền Việt Nam nhưng không đổi được vì không có giá trị lưu hành.

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện Lê Thị Bé đã 04 lần mang tiền Yên Nhật về cất giấu tại nhà. Sau đó, Bé thỏa thuận bán Yên Nhật giả cho Long, Bé đã nhiều lần nhận tiền của Kiều Hoàng Long, cụ thể Long đặt cọc 1,5 tỷ đồng (trong đó có 800 triệu đồng tiền mặt tại Ngân hàng VCB), còn lại đều chuyển khoản cho Lê Thị Bé vào tài khoản Ngân hàng Sacombank. Lê Thị Bé sau khi nhận tiền của Kiều Hoàng Long đều chuyển vào tài khoản Lê Thúy Hà số tài khoản 030055986688 tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Lạng Sơn. Bé đã được Kiều Hoàng Long thông báo là tiền Yên Nhật không phải trái phiếu, không tiêu thụ được. Bé cũng biết toàn bộ số tiền đóng mới, không phải tiền cổ. Giá trị các đối tượng bán thấp hơn giá thị trường. Quá trình điều tra, Lê Thị Bé không thành khẩn khai báo, không khai ra các đối tượng chủ mưu cầm đầu đường dây Làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, không khai ra các đối tượng đã cung cấp số tiền Yên Nhật giả cho Lê Thị Bé để giao dịch bán tại Việt Nam, nhưng tài liệu trong hồ sơ có đủ căn cứ xác định Lê Thị Bé là đối tượng chủ mưu việc giao dịch lưu hành tiền giả đối với Kiều Hoàng Long.

* Đối với nhóm đối tượng gồm: Phan Anh Tâm, Phan Công Bình, Phạm Quang Tuân, Lý Quang Minh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Thu Trang, Nguyễn Anh Tuấn có thông tin nêu trên:

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Phan Anh Tâm, Phan Công Bình, Phạm Quang Tuân, Lý Quang Minh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Thu Trang đều khai có việc tham gia giao dịch đổi tiền Yên Nhật nhưng không biết là tiền giả. Đến nay, Cơ quan điều tra không có tài liệu xác định quá trình đổi tiền họ biết số tiền Yên Nhật đó là giả nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự.

Riêng đối với Nguyễn Anh Tuấn là người giới thiệu Long với ông Lê Văn Tám để đổi tiền Yên Nhật hiện đã đi khỏi địa phương từ lâu, chính quyền địa phương không biết làm gì, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ.

Đối với Nguyễn Bá Cường, Nguyễn Thị Hoàng Liên: Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Bá Cường và Nguyễn Thị Hoàng Liên đều khai chuyển nhận số tiền Yên Nhật trên, tuy nhiên đến nay, Cơ quan điều tra không có đủ tài liệu xác định họ biết số tiền Yên Nhật này là giả nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự.

Đối với Trần Nam Phong: Do Phong đang bị cơ quan chức năng tại Nhật Bản bắt giữ xử lý về hành vi sử dụng tiền Yên Nhật giả, vì vậy Cơ quan điều tra chưa có điều kiện làm rõ về việc giao dịch đổi tiền Yên Nhật của Phong.

Đối với Huỳnh Tuấn Hải, Lê Thúy Hà, Nguyễn Thị Lan, Đỗ Thị Bẩy, Hoàng Thị Sỉnh: Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Lan, Lê Thúy Hà, Đỗ Thị Bẩy, Hoàng Thị Sỉnh đều khai không biết, không tham gia vào việc đổi tiền Yên Nhật. Việc chuyển, nhận, đổi tiền ngoại tệ đều thực hiện theo yêu cầu của người khác (*Huỳnh Tuấn Hải nhờ Lan, Lan nhờ Hà nhận tiền giúp Hải rồi đổi sang tiền Nhân dân tệ qua Bẩy và Sỉnh*). Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu liên quan nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự.

Riêng đối với Huỳnh Tuấn Hải do Hải đã đi khỏi địa phương từ lâu, chính quyền địa phương không biết họ làm gì, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có điều kiện làm rõ các nội dung liên quan.

Việc các đối tượng thực hiện thu đổi ngoại tệ với mục đích chuyển tiền qua biên giới cho số đối tượng người Trung Quốc (*chưa rõ thông tin*) có dấu hiệu tội phạm Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới quy định tại Điều 189 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên do quá trình đổi tiền và chuyển tiền xảy ra tại tỉnh Lạng Sơn, các đối tượng hiện đang sinh sống tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn nên ngày 19/6/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài liệu chuyển cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo quy định pháp luật.

Đối với 49 lốc tiền Yên Nhật mà Lê Thị Bé khai bán cho Kiều Hoàng Long: Đến nay, Cơ quan điều tra chỉ có đủ căn cứ làm rõ về việc Bé bán cho Long 19 lốc tiền Yên Nhật giả. Đối với 30 lốc tiền Yên Nhật còn lại không đủ căn cứ kết luận, cụ thể như sau: Lê Thị Bé và bị can Kiều Hoàng Long đều khai: Ngoài lần mua của Bé 19 lốc tiền Yên Nhật, Long còn dự kiến mua thêm của Bé 30 lốc tiền Yên Nhật cùng loại. Tổng số tiền Long đã chuyển cho Bé là:

4.255.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu đồng*), trong đó: tiền chi phí mua 19 lốc tiền là 2.968.000.000 đồng, tiền đặt cọc để mua thêm 30 lốc tiền là 1.557.000.000 đồng, đến nay Bé chưa chuyển cho Long 30 lốc tiền này. Ngoài ra, Lê Thị Bé khai: Trong lần mang 30 lốc Yên Nhật về Việt Nam, do số lượng tiền lớn nên Bé đã cất giữ tiền trong một vali màu vàng, sau đó thuê dịch vụ xe ôm vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam đến địa chỉ nhà của Bé: 10.21 Lô B chung cư Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh. Sau đó, Bé không thấy dịch vụ xe ôm chuyển vali tiền theo thỏa thuận. Bé đã tìm cách liên hệ với người vận chuyển nhưng không liên hệ được. Vì vậy, Bé không có tiền Yên Nhật để chuyển cho Long theo thỏa thuận. Đến nay, do Long không đòi nên Bé chưa trả cho Long số tiền đặt cọc mua 30 lốc tiền yên Nhật.

* Tại Cáo trạng số 351/CT-VKS-P1 ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo: Lê Thị Bé, Kiều Hoàng Long về tội "Lưu hành tiền giả" theo quy định của khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2024/HS-ST ngày 01/02/2024 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Bé phạm tội :*"Lưu hành tiền giả"*. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ: 983 tờ tiền Yên Nhật giả, mệnh giá 10.000 Yên/tờ (có số seri như đã ghi trong Biên bản giao nhận vật chứng).

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động Google, màu đen trắng, số imei 358034089988361; 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, số imei 357712084424943; 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh, số imei 1: 355728261142407, imei 356203781142401; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng, imei 358359069126736.

- Buộc bị cáo Lê Thị Bé phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 4.255.000.000 đồng (Năm tỷ, hai trăm, năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc anh Phan Công Bình phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc chị Bùi Thị Thu Trang phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 900.520.000 đồng (Chín trăm triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Phạm Thuỵ Hoàng Phương số tiền 600 USD và 60.000 Yên Nhật đã bị thu giữ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Kiều Hoàng Long; về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/02/2024, bị cáo Lê Thị Bé kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 22/3/2024, chị Bùi Thị Thu Trang kháng cáo đề nghị hủy bỏ phần biện pháp tư pháp buộc chị phải truy nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 900.520.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị Bé giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Bé khai khi mua bán số tiền trên bị cáo và bị cáo Long đều không biết đó là tiền giả, chỉ đến khi được Cơ quan điều tra thông báo kết luận giám định mới biết là tiền Yên Nhật giả. Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết về hành vi phạm tội là đúng pháp luật, không oan; đề nghị xem xét vai trò, hoàn cảnh gia đình giảm nhẹ mức hình phạt xuống mức thấp nhất.

Luật sư bào chữa có quan điểm: Cần xem xét làm rõ hành vi của đối tượng có tên là Huỳnh Tấn Hải, trên cơ sở này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Bé, vì bị cáo không phải là người chủ mưu; đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu Trang vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bé, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu Trang, kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Bé về tội: "Lưu hành tiền giả" theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé 12 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Bé không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Bé; cấp sơ thẩm buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong đó chị Bùi Thị Thu Trang phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền 900.520.000 đồng là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Trang. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bé, kháng cáo của người liên quan chị Bùi Thị Thu Trang và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bé, kháng cáo của chị Bùi Thị Thu Trang trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm; Chị Trang vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt theo luật định.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Bé: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Bé cho rằng khi mua bán số tiền Yên Nhật, bị cáo không biết đó là tiền giả, chỉ đến khi được Cơ quan điều tra thông báo kết luận giám định mới biết là tiền Yên Nhật giả. Tuy nhiên, bị cáo Bé thừa nhận hành vi phạm tội mà bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo Bé tại phiên tòa, phù hợp các lời khai ban đầu của bị cáo Lê Thị Bé, về việc số tiền trên được một người tên là Sa Sầm La đưa cho Bé tại Campuchia, sau khi nhận tiền Bé đã mang ra chợ tại Campuchia đổi, nhưng bị từ chối giao dịch và được cho biết "tiền này không xài được". Căn cứ lời khai các bị cáo Bé, Long về việc khi các bị cáo gặp nhau để trao đổi, mua bán số tiền Yên Nhật giả trên, bị cáo Bé đã nói với bị cáo Long đây là loại tiền không giao dịch được ở Việt Nam; căn cứ tỷ giá trao đổi mua bán số tiền Yên Nhật giả giữa Bé và Long, thì thấp hơn nhiều so với tỷ giá giao dịch của Yên Nhật bình quân trên thị trường (theo xác minh tại Ngân hàng Nhà nước tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng giữa JPY và VND tại thời điểm các bị cáo mua bán là 209,83 đồng/Yên Nhật, nhưng thực tế các bị cáo mua bán với nhau với tỷ giá chỉ khoảng 142 đồng/Yên Nhật); căn cứ việc sau khi nhận các khoản tiền do Long thanh toán, Bé đã chuyển qua tài khoản cho người khác mà không biết người nhận, đến nay mặc dù Bé khai việc chuyển tiền đó là để trả nợ cho đối tượng tên là Huỳnh Tuấn Hải nhưng không cung cấp được họ, tên địa chỉ người cho vay, các thông tin, tài liệu về việc bị cáo nợ tiền người đó; căn cứ lời khai của các bị cáo Bé, Long về việc khi Long hỏi mua thêm tiền Yên Nhật giả, bị cáo Bé có nói với Long nếu bán được thì bao nhiêu cũng có, yêu cầu Long phải đặt cọc khoản tiền lớn (1.557.000.000 đồng) và nói với Long nếu nhập hàng về Long không lấy thì Bé phải ôm à... Lời khai của bị cáo Lê Thị Bé tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, về cơ bản phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Kiều Hoàng Long và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với Kết luận giám định cũng như kết quả xác minh tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 Yên; kết luận của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an xác minh tại Nhật Bản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với kết luận của cấp sơ thẩm như sau: Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Lê Thị Bé và Kiều Hoàng Long đã có hành vi lưu hành tiền giả. Bản thân các bị cáo đã ý thức được từ trước số tiền 19.000.000 Yên Nhật là tiền giả, không đủ điều kiện lưu hành tại Việt Nam nhưng vẫn cố ý

đưa số tiền trên ra lưu hành, mua bán, chuyển nhượng bất hợp pháp nhằm hưởng lợi bất chính, cụ thể: Lê Thị Bé đã bán cho Kiều Hoàng Long 19.000.000 Yên Nhật (tương đương 3.986.770.000 đồng theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng giữa JPY và VND từ ngày 01/7/2021-07/7/2021 là 209,83), gồm: 1.900 tờ tiền mệnh giá 10.000 Yên. Lê Thị Bé và Kiều Hoàng Long phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi lưu hành 19.000.000 Yên Nhật giả tương đương 3.986.770.000 đồng; Lê Thị Bé thu lợi bất chính 4.255.000.000 đồng từ việc mua bán Yên Nhật giả. Kiều Hoàng Long chưa được hưởng lợi từ việc lưu hành tiền giả. Với hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Bé và bị cáo Kiều Hoàng Long, đã đủ cấu thành tội: "Lưu hành tiền giả", vi phạm tình tiết định khung theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Thị Bé theo tội danh, điểm, khoản, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3]. Đối với hành vi của bị cáo Kiều Hoàng Long bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội danh: "Lưu hành tiền giả" và xử phạt bị cáo Long 10 năm tù theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Long không kháng cáo, không bị kháng nghị nên bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo: Hành vi của bị cáo Lê Thị Bé cùng đồng phạm là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, gây mất ổn định xã hội. Với số lượng đưa ra lưu hành tiền Yên Nhật giả lớn, có vai trò chính trong việc giao dịch lưu hành tiền giả đối với Kiều Hoàng Long, nên việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Lê Thị Bé 12 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, ngoài tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm áp dụng, bị cáo Lê Thị Bé thể hiện thái độ ân hận về hành vi phạm tội, trình bày gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu, lao động chính trong gia đình, nhận thức pháp luật hạn chế, hiện sức khỏe yếu, con bị bệnh. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng không phải là tình tiết đặc biệt để có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mức hình phạt 12 năm tù cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Lê Thị Bé là thỏa đáng, không nặng. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Xét kháng cáo của chị Bùi Thị Thu Trang, xét thấy:

[5.1]. Về số tiền 18.980.000 Yên Nhật mà chị Trang mua của anh Phạm Quang Tuân: Tại Cơ quan điều tra, chị Trang khai khi mua chị không biết đó là tiền Yên Nhật giả, chỉ kiểm đếm nhưng không kiểm tra kỹ tờ tiền vì tin tưởng người quen của chị Nguyễn Thị Trang. Sau khi biết số tiền trên là tiền giả chị Trang đã đến Cơ quan Công an để trình báo và giao nộp 1.013 tờ tiền Yên Nhật mệnh giá 10.000 Yên/tờ.

[5.2]. Về khoản tiền 206.740.000 đồng nhận từ việc chuyển tiền cho Trần Nam Phong: Sau khi được Trần Nam Phong thỏa thuận phí vận chuyển đối với số tiền 18.980.000 Yên nhật là 200 triệu đồng và phí đổi tiền là 7,5% số tiền đổi được. Từ ngày 23/8/2021 đến ngày 30/8/2021, chị Bùi Thị Thu Trang đã 03 lần chuyển tiền 18.980.000 Yên Nhật cho Trần Nam Phong sau khi không đổi được tại Việt Nam, thông qua Nguyễn Bá Cường và Nguyễn Thị Hoàng Liên để anh Cường, chị Liên chuyển tiền sang Nhật cho Phong bằng hình thức gì chị không biết. Trần Nam Phong đã chuyển số tiền 206.740.000 đồng cho chị tổng cộng 02 lần: 01 lần bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 999696666 mở tại Ngân hàng VIB của chị và 01 lần bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 109000710384 mở tại Ngân hàng Vietinbank của chị Lê Thị Thùy Dương để Dương chuyển cho chị (BL 995-999).

[5.3]. Về số tiền 530.000.000 đồng chị Bùi Thị Thu Trang nhận từ anh Phan Anh Tâm và 163.780.000 đồng từ anh Phạm Quang Tuân: Chị Trang thừa nhận đã nhận đủ 02 khoản tiền trên từ anh Tâm và anh Tuân. Số tiền này chị đã sử dụng để trả nợ một số người mà trước đó chị đã vay để đổi 18.980.000 Yên Nhật trên.

[5.4]. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định các anh Phan Anh Tâm, Phạm Quang Tuân, Lý Quang Minh, Phan Công Bình tham gia vào giao dịch thu đổi ngoại tệ bất hợp pháp, được hưởng lợi không đúng pháp luật từ việc mua bán tiền giả; anh Tâm đã trả lại chị Bùi Thị Thu Trang 530.000.000 đồng; anh Tuân đã trả lại chị Bùi Thị Thu Trang 163.780.000 đồng nên cấp sơ thẩm không buộc những người trên phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

Chị Bùi Thị Thu Trang đã sử dụng tiền của mình để mua bán ngoại tệ khi không được cấp phép thu đổi ngoại tệ là giao dịch bất hợp pháp, vi phạm Điều 22 Pháp lệnh Quản lý ngoại hối. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị Bùi Thị Thu Trang phải truy nộp số tiền đã được anh Tâm, anh Tuân trả lại để sung công quỹ Nhà nước (bao gồm số tiền anh Tâm trả lại là 530.000.000 đồng; số tiền anh Tuân trả lại 163.780.000 đồng). Đồng thời cấp sơ thẩm còn buộc chị Trang phải truy nộp khoản tiền 206.740.000 đồng đã nhận từ việc chuyển tiền không đúng quy định cho Trần Nam Phong để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra, chị Trang cho rằng chị làm ở bộ phận chăm sóc khách hàng của Ngân hàng, không phải chuyên bộ phận giao dịch tiền tệ nên không biết, không am hiểu về ngoại tệ; khi mua bán, trao đổi chị không biết là tiền giả hoặc là tiền có nguồn gốc vi phạm pháp luật là không phù hợp. Mặt khác, chị cho rằng chị phải được xác định với tư cách là bị hại trong vụ án, các đối tượng khác đã cấu kết với nhau thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị thông qua việc đổi tiền Yên Nhật, hiện nay chị không có khả năng khắc phục số tiền trên; việc đổi 18.980.000 Yên Nhật của anh Tuân cũng như cách thức sử dụng số tiền 530 triệu đồng do anh Tâm chuyển trả và 206.740.000 đồng do

Trần Nam Phong chuyển trả là do chị đã vay mượn từ người thân, bạn bè và cầm cố tài sản, tuy nhiên chị Trang không có tài liệu gì chứng minh.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị Thu Trang về việc đề nghị hủy bỏ tuyên buộc chị phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước, số tiền 900.520.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp đối với chị Trang.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[7]. Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[8]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bé; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thu Trang.

[2]. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2024/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

[2.1]. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Bé phạm tội : Lưu hành tiền giả.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.2.]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 983 tờ tiền Yên Nhật giả, mệnh giá 10.000 Yên/tờ (có số seri như đã ghi trong Biên bản giao nhận vật chứng).

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động Google, màu đen trắng, số imei 358034089988361; 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, số imei 357712084424943; 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh, số imei 1: 355728261142407, imei 356203781142401; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng, imei 358359069126736.

- Buộc bị cáo Lê Thị Bé phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 4.255.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc anh Phan Công Bình phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc chị Bùi Thị Thu Trang phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền 900.520.000 đồng (Chín trăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Phạm Thuỵ Hoàng Phương số tiền 600 USD và 60.000 Yên Nhật đã bị thu giữ.

(Các vật chứng đang được bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2023 và tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hai Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 17/12/2023 - bút lục 1236, 1237).

[3]. Về án phí:

Ghi nhận bị cáo Lê Thị Bé đã nộp đủ 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0065370 ngày 11/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bị cáo Lê Thị Bé phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Chị Bùi Thị Thu Trang phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0023136 ngày 22/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội *(đã nộp đủ)*.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ I - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- TTG số 1 CATP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG số 1 - 02 bản);
- Chị Trang (theo 02 đ/c- 0972.529.559);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực